Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8442.50.00

Mã HS	8442.50.00
Mô tả hàng hóa	Máy, thiết bị và dụng cụ (trừ loại máy thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65) dùng để đúc chữ hoặc chế bản, làm khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in ấn khác; khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác; khuôn in, ống in và đá in ly tô, được chuẩn bị cho các mục đích in (ví dụ, đã được làm phẳng, nổi vân hạt hoặc đánh bóng) / - Khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác; khuôn in, ống in và đá in ly tô, được chuẩn bị cho các mục đích in (ví dụ, đã được làm phẳng, nổi vân hạt hoặc đánh bóng)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 03:32:44
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84425000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13877
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13877
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13877
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13191
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13132
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13132
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13132
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13132
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13132
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13132
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13186
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13186
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13186
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13186

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13186
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13186
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13187
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13187
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13187
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13187
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13187
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13187
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13190
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13138
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13146
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13146
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13146
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13146
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13146
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13146
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13177
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13177
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13177
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13177
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13177
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13177
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13226
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13226
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13226
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13226

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13226
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13226
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13209
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13209
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13209
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13209
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13209
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13209
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13209
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13209
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13209
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13209
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13209
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13209
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13224
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13224
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13224
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13224
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13224
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13224
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13223
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13223
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13223
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13223
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13223
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13223

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13203
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13203
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13203
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13203
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13203
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13203
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13203
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13211
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13211
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13211
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13211
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13211
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13211
RCEP B	2022	2022	0	B!D13211
RCEP B	2023	2023	0	B!E13211
RCEP B	2024	2024	0	B!F13211
RCEP B	2025	2025	0	B!G13211
RCEP B	2026	2026	0	B!H13211
RCEP B	2027	2027	0	B!I13211
RCEP C	2022	2022	0	C!D13211
RCEP C	2023	2023	0	C!E13211
RCEP C	2024	2024	0	C!F13211
RCEP C	2025	2025	0	C!G13211
RCEP C	2026	2026	0	C!H13211
RCEP C	2027	2027	0	C!I13211
RCEP D	2022	2022	0	D!D13210

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13210
RCEP D	2024	2024	0	D!F13210
RCEP D	2025	2025	0	D!G13210
RCEP D	2026	2026	0	D!H13210
RCEP D	2027	2027	0	D!I13210
RCEP E	2022	2022	0	E!D13214
RCEP E	2023	2023	0	E!E13214
RCEP E	2024	2024	0	E!F13214
RCEP E	2025	2025	0	E!G13214
RCEP E	2026	2026	0	E!H13214
RCEP E	2027	2027	0	E!I13214
RCEP F	2022	2022	0	F!D13211
RCEP F	2023	2023	0	F!E13211
RCEP F	2024	2024	0	F!F13211
RCEP F	2025	2025	0	F!G13211
RCEP F	2026	2026	0	F!H13211
RCEP F	2027	2027	0	F!I13211
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12255
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12255
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12255
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12255

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng hóa nhập khẩu theo mã số HS trong lĩnh vực in (11/2024/TT-BTTTT)		11/2024/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8442.50.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8442.50.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13877), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa nhập khẩu theo mã số HS trong lĩnh vực in (11/2024/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.